

## MỤC LỤC

|  |    |
|--|----|
| <b>Chương I</b> .....  | 1  |
| <b>QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....  | 1  |
| <b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</b> .....   | 1  |
| <b>Điều 2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát</b> .....                                       | 1  |
| <b>Điều 3. Giải thích từ ngữ</b> .....   | 2  |
| <b>Chương II</b> .....   | 3  |
| <b>THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT</b> .....  | 3  |
| <b>Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát</b> .....                             | 3  |
| <b>Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát</b> .....   | 3  |
| <b>Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát</b> .....  | 4  |
| <b>Điều 7. Trưởng Ban Kiểm soát</b> .....  | 5  |
| <b>Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban Kiểm soát</b> .....  | 5  |
| <b>Điều 9. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát</b> .....  | 5  |
| <b>Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát</b> .....                          | 5  |
| <b>Điều 11. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát</b> .....                          | 6  |
| <b>Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát</b> .....                       | 7  |
| <b>Chương III</b> .....  | 7  |
| <b>BAN KIỂM SOÁT</b> .....   | 7  |
| <b>Điều 13. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát</b> .....                                       | 7  |
| <b>Điều 14. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát</b> .....  | 9  |
| <b>Điều 15. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông</b> ..... | 10 |
| <b>Chương IV</b> .....   | 10 |
| <b>HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT</b> .....   | 10 |
| <b>Điều 16. Cuộc họp của Ban Kiểm soát</b> .....   | 10 |
| <b>Điều 17. Biên bản họp Ban Kiểm soát</b> .....   | 11 |

|  |           |
|--|-----------|
| <b>Điều 18. Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp .....</b>                                     | <b>11</b> |
| <b>Chương V .....</b>  | <b>11</b> |
| <b>BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH .....</b>  | <b>11</b> |
| <b>Điều 19. Trình báo cáo hàng năm .....</b>   | <b>11</b> |
| <b>Điều 20. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát. ....</b> | <b>12</b> |
| <b>Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan .....</b>  | <b>12</b> |
| <b>Chương VI.....</b>  | <b>13</b> |
| <b>MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT.....</b>  | <b>13</b> |
| <b>Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát .....</b>                            | <b>13</b> |
| <b>Điều 23. Mối quan hệ với Ban Điều hành.....</b>   | <b>13</b> |
| <b>Điều 24. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.....</b>   | <b>14</b> |
| <b>Chương VII .....</b>  | <b>15</b> |
| <b>ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....</b>  | <b>15</b> |
| <b>Điều 25. Hiệu lực thi hành .....</b>  | <b>15</b> |

**DỰ THẢO**

Hải Phòng, ngày tháng 5 năm 2021

## **QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm 2021*

*Ban Kiểm soát ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam bao gồm các nội dung sau :*

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.

##### **Điều 2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát Công ty làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về lĩnh vực do mình phụ trách

và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

2. Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát không được ủy quyền cho những người không phải là thành viên Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

3. Ban Kiểm soát hoạt động theo nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

4. Tất cả các báo cáo, kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát gửi cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cơ quan khác theo yêu cầu phải được thảo luận tập thể trong Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Trong Quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau

“Công ty “ là Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam.

“ Điều lệ hay Điều lệ công ty” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam.

“ Đại hội đồng cổ đông” hoặc “ĐHĐCĐ” là Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam.

“Hội đồng quản trị” hoặc “HĐQT” là Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam.

“Người quản lý doanh nghiệp” hoặc “Người quản lý” là Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc.

“Người điều hành doanh nghiệp” hoặc “Người điều hành” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

“Thành viên HĐQT không điều hành” là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Các từ ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ Công ty cũng có nghĩa tương tự như trong Quy chế này.

3. Trường hợp Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan có sự thay đổi dẫn đến quy định tại Quy chế này khác với Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật thì áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

## **Chương II**

### **THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; quản lý và bảo mật thông tin theo quy định của Công ty; không lợi dụng quyền hạn được giao để gây cản trở cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích mà thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp và gián tiếp có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

#### **Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát có 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, bãi và miễn nhiệm bằng thể thức bỏ phiếu kín trực tiếp. Các thành viên Ban Kiểm soát bầu một trong số các thành viên làm Trưởng Ban Kiểm soát để quản lý, điều hành hoạt động chung của Ban Kiểm soát.

2. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát 5 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trong nhiệm kỳ có khuyết thành viên Ban Kiểm soát thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu thay thế theo thể thức bỏ phiếu kín trực tiếp. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ.

3. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

5. Trường hợp số thành viên Ban Kiểm soát bị giảm quá 1/3 (một phần 3) theo quy định tại Điều lệ Công ty thì Ban Kiểm soát trao đổi với Hội đồng quản trị đề xuất triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung.

#### **Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban Kiểm soát**

Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp.

2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác, cụ thể: không phải là vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, con rể, con dâu, anh, chị, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

4. Thành viên Ban Kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

5. Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

6. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.

7. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

8. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

## **Điều 7. Trưởng Ban Kiểm soát**

1. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

2. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

## **Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban Kiểm soát**

Ngoài các quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Trưởng Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của tất cả thành viên Ban Kiểm soát liên quan đến các vấn đề.

2. Triệu tập và chủ tọa các cuộc họp của Ban Kiểm soát.

3. Thay mặt Ban Kiểm soát yêu cầu Hội đồng quản trị họp bất thường khi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát; thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội cổ đông bất thường khi Hội đồng quản trị có hành vi vi phạm pháp luật theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.

4. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.

5. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể của các thành viên Ban Kiểm soát theo quy chế của Ban Kiểm soát.

6. Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ quyền hạn chung của Ban Kiểm soát.

7. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.

## **Điều 9. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát**

Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 48 Điều lệ Công ty

## **Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo hình thức bỏ phiếu kín trực tiếp.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo

phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

### **Điều 11. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 49 Điều lệ Công ty;

b) Có đơn từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) và được chấp nhận.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm và bầu thành viên mới thay thế.

d) Trường hợp khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

e) Trường hợp khuyết chức danh Trưởng Ban Kiểm soát thì thành viên Ban Kiểm soát còn lại cử một người thay thế cho đến khi bầu thêm đủ số thành viên Ban Kiểm soát như quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Đơn từ chức của Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát phải được gửi tới Ban Kiểm soát. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được đơn từ chức, Ban Kiểm soát phải họp để xem xét, quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm.



## **Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý (thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và các chức danh quản lý khác) và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban Kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

## **Chương III BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 13. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc

họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát họp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về họp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ Công ty.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 17 của Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 54 Điều lệ Công ty phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường họp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại

hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 14. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao

gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của Người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

#### **Điều 15. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông**

1. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ Công ty;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban Kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

### **Chương IV**

#### **HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

##### **Điều 16. Cuộc họp của Ban Kiểm soát**

1. Cuộc họp của Ban Kiểm soát tuân thủ theo điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật. Ban Kiểm soát họp định kỳ theo quý hoặc có thể

triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết các công việc đột xuất. Số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai/ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát.

2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

#### **Điều 17. Biên bản họp Ban Kiểm soát**

1. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Biên bản họp được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại cuộc họp.

2. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

#### **Điều 18. Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp**

Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của mình, Ban Kiểm soát có quyền thuê các nhân viên tư vấn bên ngoài, kế toán viên độc lập hoặc các nhà tư vấn khác khi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình bằng chi phí của Công ty phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật mà không phải xin ý kiến trước của bất kỳ người quản lý nào của Công ty.

### **Chương V**

## **BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH**

#### **Điều 19. Trình báo cáo hàng năm**

Báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 53 Điều lệ Công ty.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát

5. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

6. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị ĐHCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;

#### **Điều 20. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát.**

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

#### **Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu

hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban Kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban Kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

## **Chương VI**

### **MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát**

1. Các thành viên Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự đoàn kết, phối hợp, tôn trọng và động viên nhau hoàn thành nhiệm vụ trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban Kiểm soát.

3. Thành viên Ban Kiểm soát phải có trách nhiệm báo cáo với Trưởng Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động, chịu sự phân công của Trưởng Ban Kiểm soát trong hoạt động.

#### **Điều 23. Mối quan hệ với Ban Điều hành**

Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn

vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành, cụ thể:

1. Định kỳ hoặc đột xuất (theo yêu cầu của Ban Kiểm soát) cung cấp tất cả các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban Kiểm soát, đồng thời phải chịu trách nhiệm theo dõi chỉ đạo phòng/ban chuyên môn/ chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban Kiểm soát sau mỗi lần kiểm tra.

2. Ban Kiểm soát được quyền đề nghị các phòng/ban chuyên môn và nhân viên trực tiếp làm chuyên môn/nghiệp vụ giải trình các công việc đã làm, xuất trình văn bản chỉ đạo, chứng từ sổ sách ghi chép và các tài liệu có liên quan khác (khi cần thiết) trong hoạt động để phục vụ việc kiểm tra, giám sát.

3. Ban Điều hành đảm bảo rằng các báo cáo gửi Hội đồng quản trị, báo cáo đánh giá về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, về tiến độ thực hiện kế hoạch được giao, các kiến nghị, đề xuất để hoàn thành kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đồng thời cũng được gửi cùng thời điểm đến các thành viên Ban Kiểm soát

4. Khi thực thi nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, Ban Kiểm soát phải thông báo trước kế hoạch làm việc bằng văn bản để không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### **Điều 24. Mọi quan hệ với Hội đồng quản trị**

Ban Kiểm soát có mối quan hệ bình đẳng và độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, cụ thể:

1. Các thành viên Ban Kiểm soát tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết đối với các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

2. Ban Kiểm soát tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông và trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

3. Trong quá trình hoạt động Ban Kiểm soát phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị để thực hiện nhiệm vụ. Các thành viên Ban Kiểm soát được Hội đồng quản trị cung cấp tài liệu, thông tin và hồ sơ cần thiết phục vụ công tác của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát hoạt động với tư cách khách quan, độc lập trong quá trình kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh doanh, hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, đồng thời Ban Kiểm soát có trách nhiệm phối hợp cùng Hội đồng quản trị theo dõi chỉ đạo quá trình chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban Kiểm soát sau mỗi lần kiểm tra, giám sát.



**Chương VII**  
**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 25. Hiệu lực thi hành**

Quy chế này bao gồm 7 chương, 25 điều, được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông ngày tháng 5 năm 2021

Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Vận tải biển Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 5 năm 2021 sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**TRƯỞNG BAN**

**Đỗ Tuấn Nam**